

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2018/DSST**

Ngày: 30-8-2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Dũng

Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
tham gia phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2018/TLST – DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST – DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng chính sách xã hội V

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, Tp Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hạp Tiến Kh

(Theo nội dung của quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 và giấy ủy quyền số 44/NHCS ngày 05-12-2018)

Cư trú tại: Số 64, QL 14, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1982

Cư trú tại: Thôn 6, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05-3-2018 và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hạp Tiến Kh trình bày: Ngày 10-7-2013 Ngân hàng chính sách xã hội V – Phòng giao dịch huyện B, tỉnh Bình Phước có cho anh Nguyễn Minh T vay số tiền là 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Thỏa thuận thời hạn vay là 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ 1 lần; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/7/2016. Lãi suất là 0,845%/ tháng, lãi suất nợ quá hạn 1,099%/ tháng. Khi vay anh Nguyễn Minh T không có thể chấp tài sản và cho vay theo diện cho vay đối với hộ cận nghèo. Việc vay tiền có lập giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay. Trong khoảng thời gian từ ngày 10-7-2013 đến ngày 21-7-2016 anh Nguyễn Minh T đã trả 2.757.514đ tiền lãi. Đến hạn trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội V nhiều lần thông báo yêu cầu anh Nguyễn Minh T thực hiện theo thỏa thuận nhưng anh Nguyễn Minh T không thực hiện nên Ngân hàng chính sách xã hội V đã chuyển toàn bộ số tiền vay sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng chính sách xã hội V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Minh T trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 11.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 672.341đ, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 21-7-2016 đến ngày xét xử là 3.072.136đ và tiền lãi phát sinh cho đến ngày tất toán khoản vay.

Các tài liệu, chứng cứ: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 08-7-2013; Sổ vay vốn của mã khách hàng 070968; Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ (bản photo); Biên bản thu thập tài liệu, chứng cứ lập ngày 14-5-2018; Bản tự khai của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh T (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Minh T.

[2] Xét: Ngân hàng chính sách xã hội V khởi kiện anh Nguyễn Minh T yêu cầu trả số tiền vay và tiền lãi. Ngân hàng chính sách xã hội V cung cấp hồ sơ vay vốn để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn anh Nguyễn Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay có ghi nhận địa chỉ cư trú của anh Nguyễn Minh T tại thôn 6, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét giao dịch giữa Ngân hàng chính sách xã hội V và anh Nguyễn Minh T được lập trong năm 2013. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[4] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội V yêu cầu anh Nguyễn Minh T trả số tiền vay 11.000.000đ và tiền lãi:

Ngân hàng chính sách xã hội V khai nhận Ngân hàng có cho anh Nguyễn Minh T vay số tiền 11.000.000đ, vay ngày 10-7-2013, thời hạn vay là 36 tháng. Lời khai của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phù hợp với giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 08-7-2013 và sổ lưu từ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ do Ngân hàng chính sách xã hội V giao nộp hợp pháp cho Tòa án (bút lục số 03, 04). Theo nội dung biên bản về việc thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 14 tháng 5 năm 2018 (bút lục số 10) Công an xã cho biết: Anh Nguyễn Minh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương: Thôn 6, xã Ng, huyện B, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, hiện nay anh Nguyễn Minh T đã bỏ đi khỏi địa phương, chưa làm thủ tục chuyển khẩu đi nơi khác. Do đó, Công an xã không biết hiện nay anh Nguyễn Minh T sinh sống ở đâu. Căn cứ vào quy định tại điểm e khoản 1 Điều 193 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì việc anh Nguyễn Minh T không có nơi cư trú ổn định được coi là cố tình giấu địa chỉ. Việc anh Nguyễn Minh T vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc anh Nguyễn Minh T vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội V là có thật.

Trong giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay lập ngày 08-7-2013 có ghi nhận “*Thời hạn cho vay 36 tháng; ...hạn trả nợ cuối cùng: ngày 21-7-2016*”. Như vậy, thời hạn anh Nguyễn Minh T phải trả tiền vay cho Ngân hàng chính sách xã hội V chậm nhất là ngày 21-7-2016. Khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..*”. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội V về việc yêu cầu anh Nguyễn Minh T trả số tiền vay 11.000.000đ là có cơ sở.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi 3.747.477đ: Thời hạn anh Nguyễn Minh T phải trả tiền vay cho Ngân hàng chính sách xã hội V chậm nhất là ngày 21-7-2016. Thời gian Ngân hàng chính sách xã hội V nộp đơn khởi kiện là ngày 12-3-2018. Tại Điều 427 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm phạm*”. Do đó, yêu cầu trả tiền lãi của Ngân hàng chính sách xã hội V vẫn trong thời hiệu khởi kiện. Khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “*Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân*

hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ". Do đó, yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội V về việc yêu cầu anh Nguyễn Minh T trả tiền lãi là có căn cứ. Ngân hàng chính sách xã hội V khai nhận khi vay tiền thỏa thuận lãi là 0,845%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,099%/ tháng. Tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ*". Tại Điều 01 Nghị quyết số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm tương đương với 0,75%/tháng. Như vậy, việc thỏa thuận lãi suất của các bên thực hiện đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội V về việc trả tiền lãi 3.747.477đ là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội V, buộc anh Nguyễn Minh T trả cho Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền vay gốc là 11.000.000đ và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 3.747.477đ.

[6] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*". Do đó, bị đơn anh Nguyễn Minh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là $(11.000.000đ \text{ tiền gốc} + 3.747.477 \text{ tiền lãi}) \times 5\% = 737.373đ$.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 473, Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội V. Buộc bị đơn anh Nguyễn Minh T trả cho nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội V số tiền vay là 11.000.000đ và tiền lãi là 3.747.477đ

2/ Về án phí: Buộc bị đơn anh Nguyễn Minh T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 737.373đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30-8-2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước ;
- VKSND h. Bù Đăng;
- Chi cục THADS h. Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh